TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 11- 2019
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Xuân Lợi
2. Bà Đậu Thị Phú

- *Thư ký phiên tòa*: ông Trần Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Tiến Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trần Văn D, sinh năm 1970
Địa chỉ: thôn Hải L, xã Quảng T, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1971
Địa chỉ: thôn Hải L, xã Quảng T, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày: anh và chị Trần Thị H có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng T, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 29/12/1989. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng năm 1998 cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thiếu sự tin tưởng, công việc kinh tế gia đình làm ăn bị thua lỗ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn kéo dài, đến năm 2001, chị H bỏ về nhà ngoại sinh sống, mặc dù đã được hai bên gia đình, người thân khuyên giải, nhưng vẫn không có kết quả nên vợ chồng cũng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Hiện tại anh thấy giữa anh

và chị H thực sự không còn tình cảm, cuộc sống không có hạnh phúc. Vì vậy anh mong muốn được ly hôn với chị Hành.

Quá trình chung sống vợ, chồng có ba đứa con chung: Trần Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/02/1991, Trần Thị Ánh T, sinh ngày 26/02/1995 và Trần Huỳnh Đ, sinh ngày 19/5/1997. Hiện tại các con đã trưởng thành; Về tài sản và nợ chung: vợ chồng không có.

Tại Biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 23/10/2019, bị đơn chị Trần Thị H cũng đã thống nhất như ý kiến của anh Trần Văn D về quá trình kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng cũng như các vấn đề về con chung, tài sản và nợ chung. Chị thừa nhận giữa chị và anh D trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa, tuy nhiên, chị H không thống nhất thỏa thuận ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi nghe thư ký Tòa án đọc thông qua nội dung biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, chị H nhất trí nội dung nhưng không ký vào các biên bản. Vì lý do sức khỏe, nên chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về tình cảm áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Văn D ly hôn chị Trần Thị H; Về con chung, tài sản và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: anh Trần Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Trần Thị H, đây là tranh chấp về ly hôn. Chị Trần Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã Quảng T, huyện Quảng Trạch, nên Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải mặc dù chị H có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng chị không viết đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất và triệu tập hợp lệ đối với chị H đến tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng chị hành vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy:

Quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa anh Trần Văn D và chị Trần Thị H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh D xin ly hôn với chị Hành vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía chị H cũng đã thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, HĐXX nhận thấy: mâu thuẫn giữa anh D và chị H đã thực sự trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân

đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H là có cơ sở. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho Trần Văn D được ly hôn chị Trần Thị H.

Quan hệ con chung: Hiện các con chung của vợ chồng đều đã đủ tuổi trưởng thành và tự làm ăn nuôi sống bản thân, các bên đương sự cũng không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan hệ tài sản và nợ chung: anh D và chị H đều thừa nhận vợ chồng không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: anh Trần Văn D phải nộp tiền án phí ly hôn để sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Thị H.
2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Trần Văn D ly hôn chị Trần Thị H.
3. Về quan hệ con chung: không xem xét.
4. Về tài sản và nợ chung: không xem xét.
5. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Trần Văn D phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ số tiền tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* đồng anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001465 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/11/2019). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Phạm Hữu Tình